

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22829602] - Lắp đặt tủ điện
(CCQ2205B)

CBGD: Nguyễn Khoa Đồng Khánh (110002)

Số SV có mặt: 19

Số bài thi: 19

Số tờ giấy thi: 19

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122050050	Lê Đình Trường	An	02/09/2004	CCQ2205B	An	8,1	7,0	7,4
2	2122050043	Đặng Quốc	Cường	18/03/2004	CCQ2205B	Cường	6,3	6,5	6,4
3	2122050040	Vũ Văn Hùng	Dũng	23/09/2003	CCQ2205B	Hùng	7,0	7,0	7,0
4	2122050026	Nguyễn Xuân	Duy	09/12/2004	CCQ2205A	Xuân	6,7	7,0	6,9
5	2122050042	Trần Lê Nhật	Duy	06/11/2004	CCQ2205B	Đuy	8,4	8,5	8,5
6	2122050037	Nguyễn Trung	Hiếu	04/04/2004	CCQ2205B	Trung	8,5	8,5	8,5
7	2122050036	Võ Phước	Hơn	16/04/2004	CCQ2205B	Phước	8,2	8,0	8,1
8	2122050059	Phan Trọng	Hữu	23/03/2004	CCQ2205B	Trọng			
9	2122050029	Lương Duy	Khoa	11/06/2003	CCQ2205A	ichoo	7,8	6,5	7,0
10	2122050067	Nguyễn Tấn Gia	Nguyên	30/04/2004	CCQ2205B	Nguyen	8,2	8,0	8,1
11	2122050049	Đặng Minh	Quân	17/06/2004	CCQ2205B	Quân	6,9	7,0	7,0
12	2122050056	Lê Thanh	Quang	24/11/2004	CCQ2205B	Quang	6,7	7,5	7,2
13	2122050051	Tô Đình	Thành	18/06/2004	CCQ2205B	Thành	8,6	8,5	8,5
14	2122050061	Huỳnh Quốc	Thịnh	03/07/2004	CCQ2205B	Thịnh	8,7	8,0	8,3
15	2122050019	Nguyễn Văn Minh	Thuận	12/03/2004	CCQ2205A	Minh	8,5	8,5	8,5
16	2122050035	Đào Phú Minh	Trịnh	11/04/2004	CCQ2205A	Trịnh	6,4	7,5	7,1
17	2122050025	Đặng Minh	Trực	07/01/2004	CCQ2205A	Minh	7,3	6,5	6,8
18	2122050014	Huỳnh Văn	Trường	07/01/2004	CCQ2205A	Trường	5,0	6,0	5,6
19	2122050039	Lê Văn	Tường	01/04/2004	CCQ2205B	Tường	5,7	6,0	5,9
20	2122140015	Ngô Hoàng	Việt	07/07/2004	CCQ2205A	Việt	7,8	7,5	7,6

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22829603] - Lắp đặt tủ điện
(CCQ2205A)

CBGD: Nguyễn Khoa Đồng Khánh (110002)

Số SV có mặt: 18..

Số bài thi:18..

Số tờ giấy thi:.....

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122050122	Nguyễn Chí	An	15/11/2004	CCQ2205D		An	7,8	7,0	7,3
2	2122050022	Mai Quang	Đại	10/06/2004	CCQ2205A		Đại	6,6	6,0	6,2
3	2122050062	Nguyễn Trung	Đức	16/01/2003	CCQ2205B		Đức	7,4	4,0	5,4
4	2122180005	Đoàn Tất	Giáp	01/08/2004	CCQ2205C		Giáp	6,4	4,0	5,0
5	2122050046	Đoàn Minh	Khải	29/07/2004	CCQ2205B		Khải	6,8	8,5	7,8
6	2122050094	Nguyễn Văn	Minh	02/10/2004	CCQ2205C		MV	6,5	8,0	7,4
7	2122050031	Đào Minh	Nhật	31/01/2004	CCQ2205A		MV Nhật	6,6	6,5	6,5
8	2122050068	Nguyễn Hữu	Phát	19/02/2003	CCQ2205B		H Phát	8,1	8,5	8,3
9	2122200018	Đặng Thanh	Phúc	20/08/2002	CCQ2205D		Phúc	5,3	7,5	6,6
10	2122050069	Huỳnh Ngọc	Phúc	10/12/2003	CCQ2205B		Phúc	6,9	4,0	5,2
11	2122050057	Lê Quang	Phương	03/08/2004	CCQ2205B		Phương	8,3	8,0	8,1
12	2122050089	Nguyễn Đức	Quân	10/05/2004	CCQ2205C		Vàng			
13	2122050032	Lê Nam	Quốc	26/03/2004	CCQ2205A		Quốc	6,5	4,0	5,0
14	2122050135	Nguyễn Hoàng	Quốc	08/03/2004	CCQ2205A		Quốc	7,7	6,0	6,7
15	2122050121	Lê Đình	Sơn	07/04/2004	CCQ2205A		Sơn	6,9	6,5	6,7
16	2122050130	Dương Minh	Tân	22/12/2004	CCQ2205D		Tân	7,7	4,0	5,5
17	2120050122	Danh Thiện	Thanh	06/03/2002	CCQ2005D		Vàng			
18	2122050066	Hồ Mạnh	Trình	27/03/2004	CCQ2205B		Trình	7,9	4,0	5,6
19	2122050024	Nguyễn Văn	Tuấn	24/08/2004	CCQ2205A		Tuấn	5,9	7,5	6,9
20	2122110207	Nguyễn Trí Tuấn	Vũ	14/03/2004	CCQ2205B		Vũ	7,6	8,0	7,8